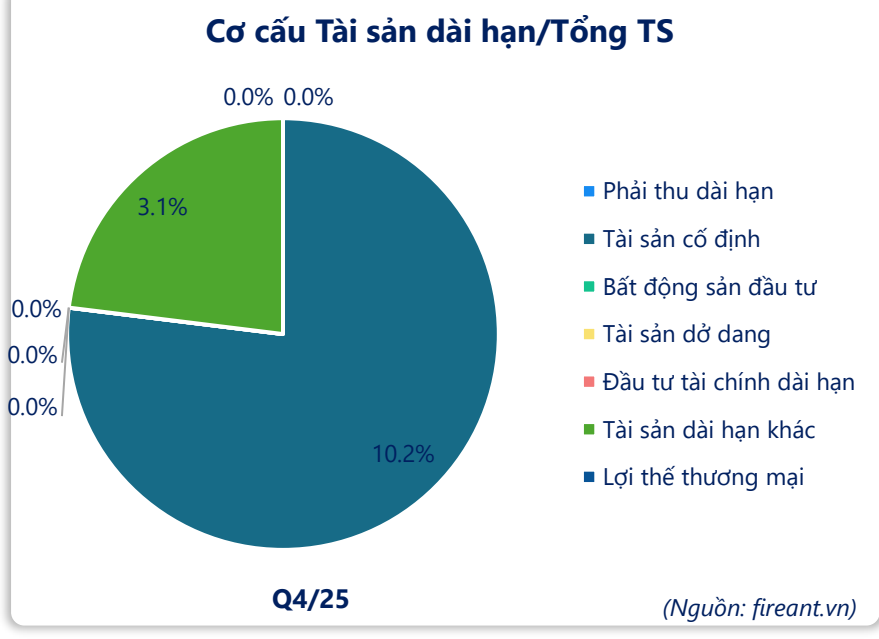
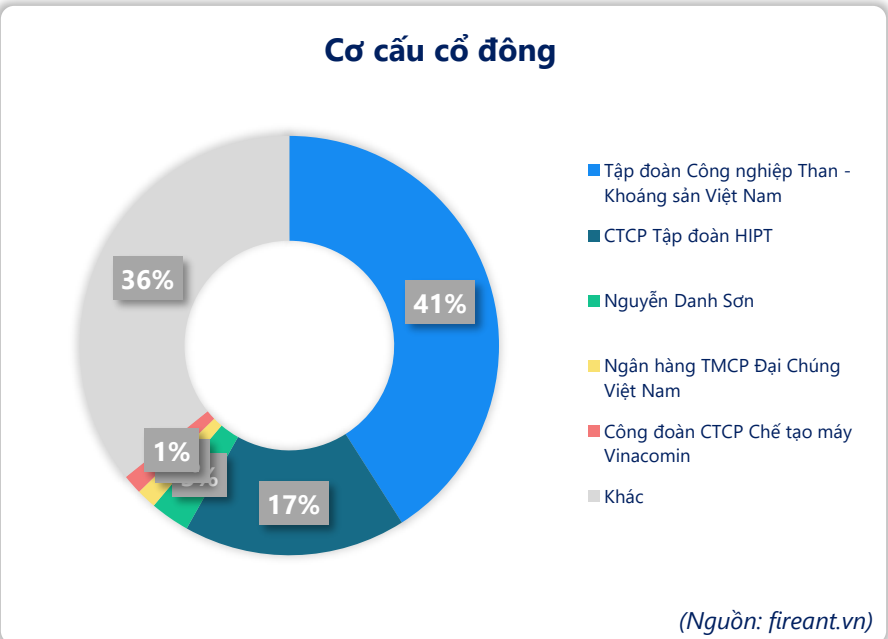
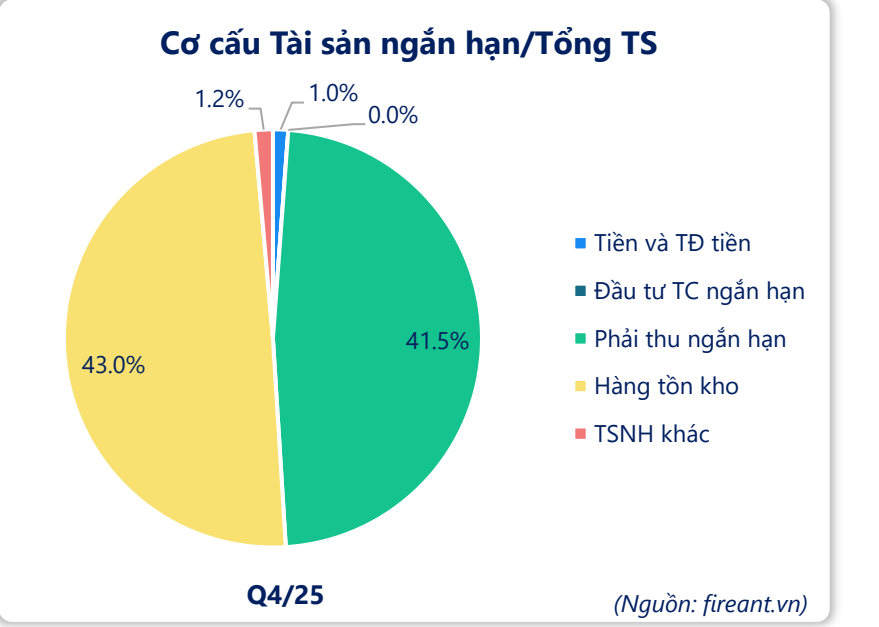
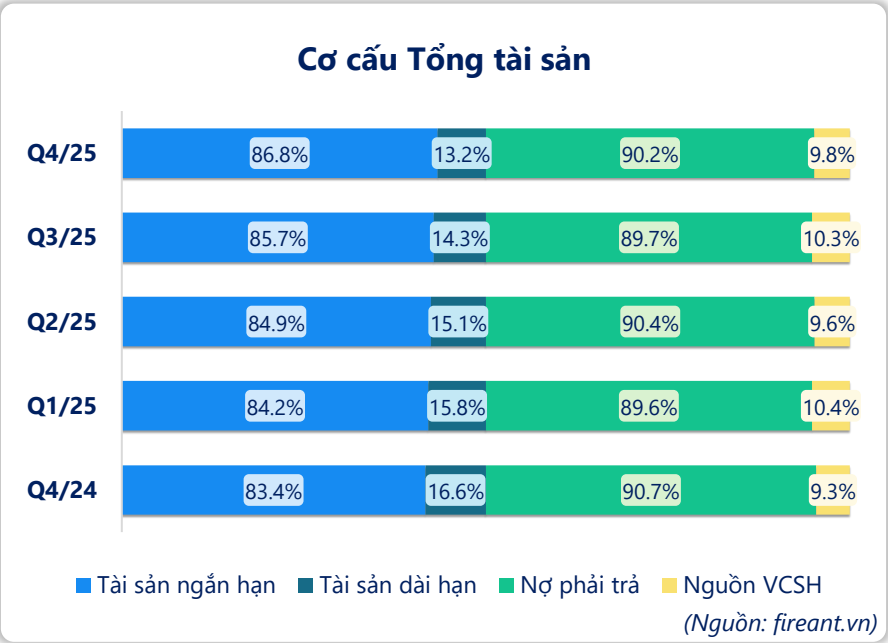
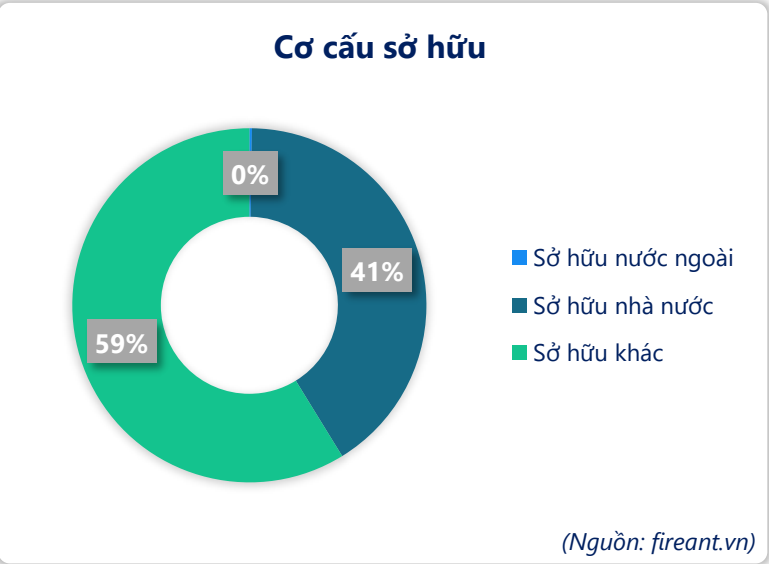
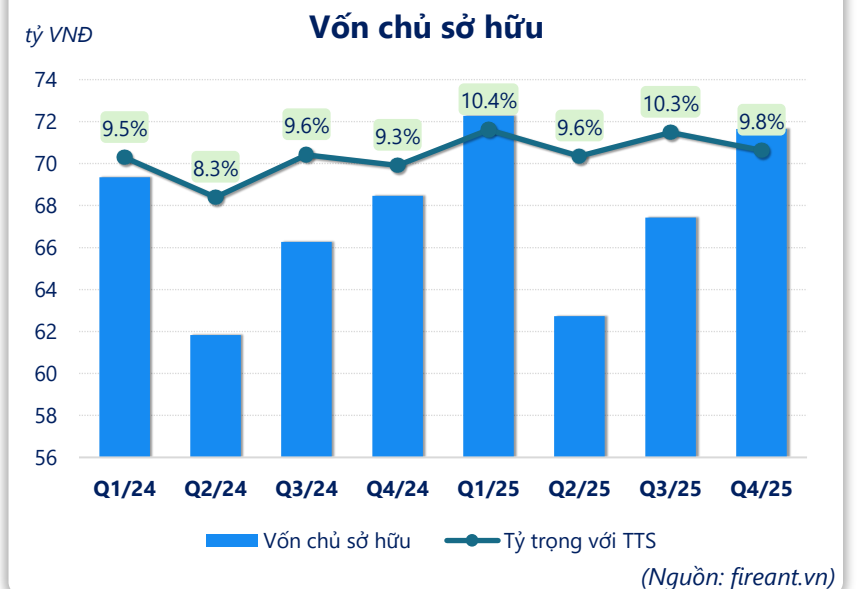
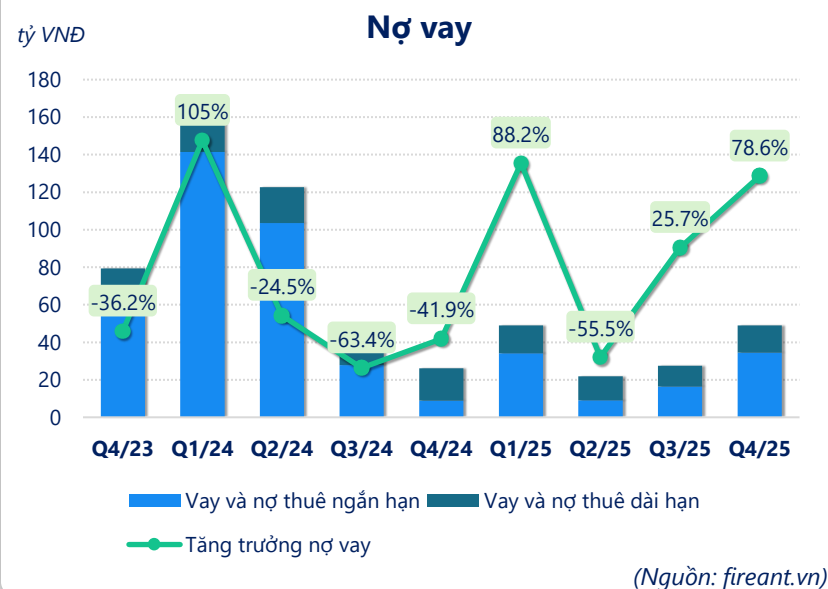
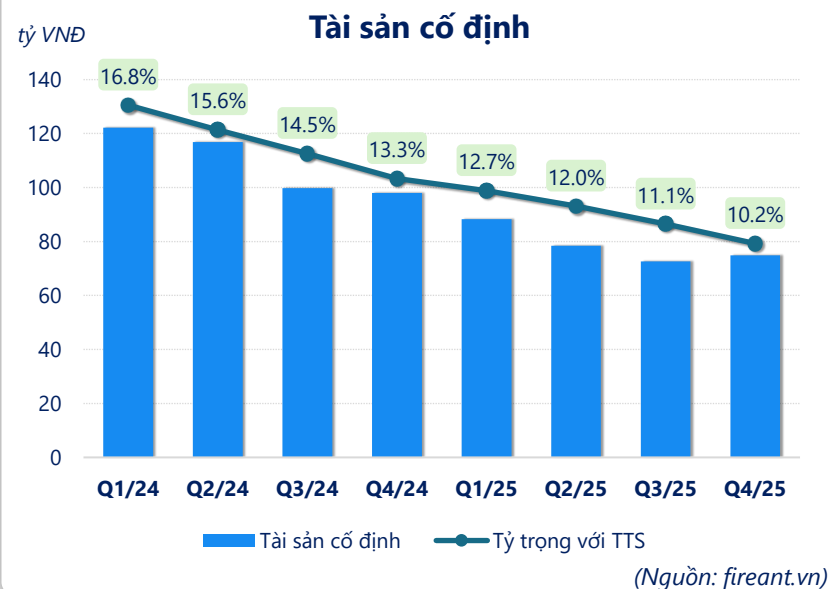
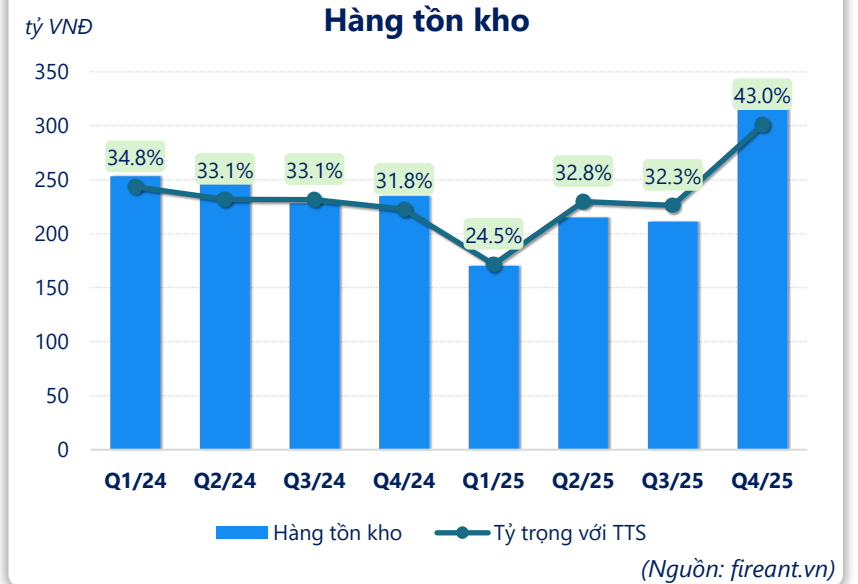
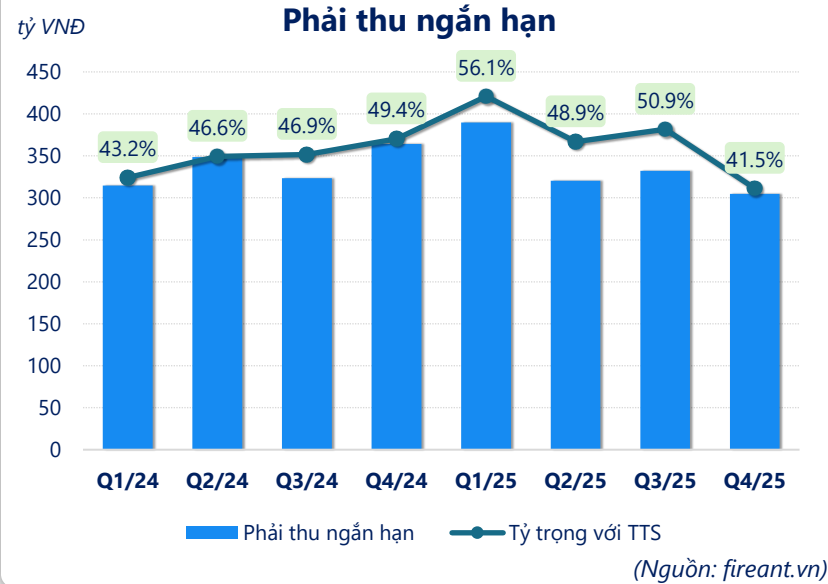
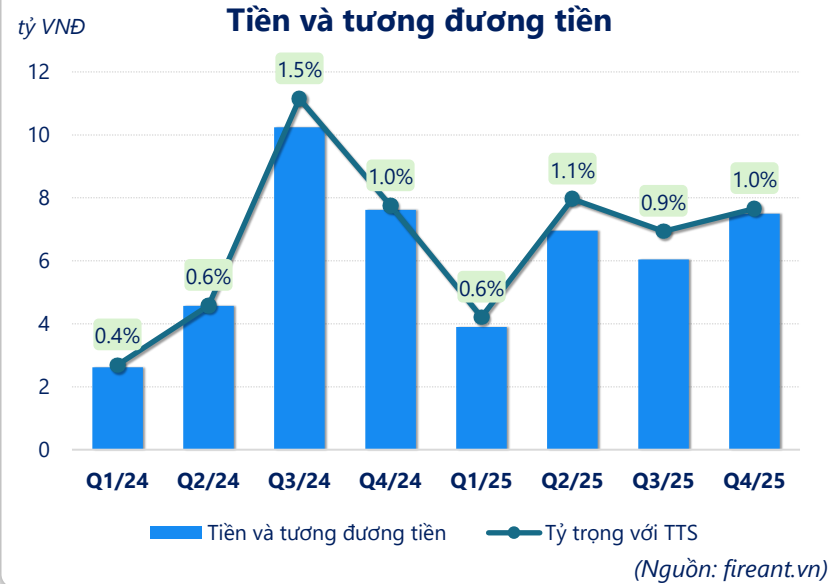
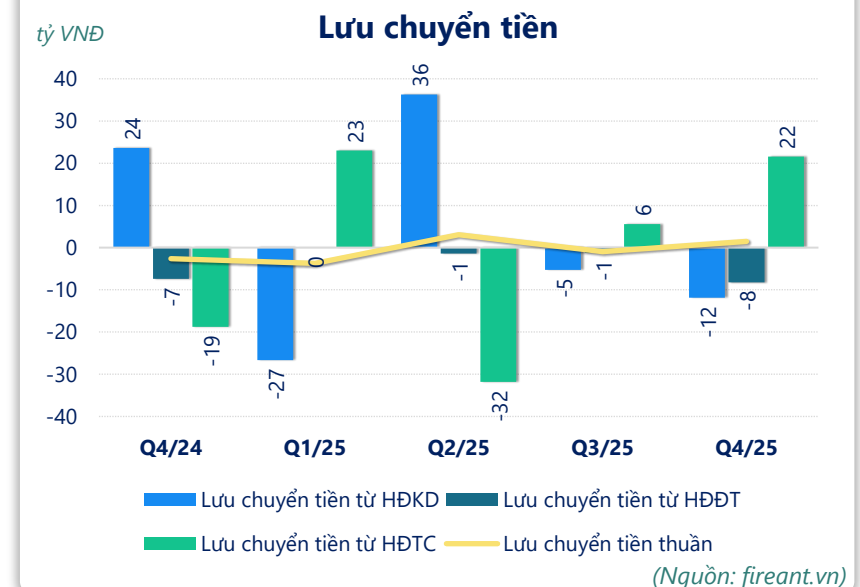
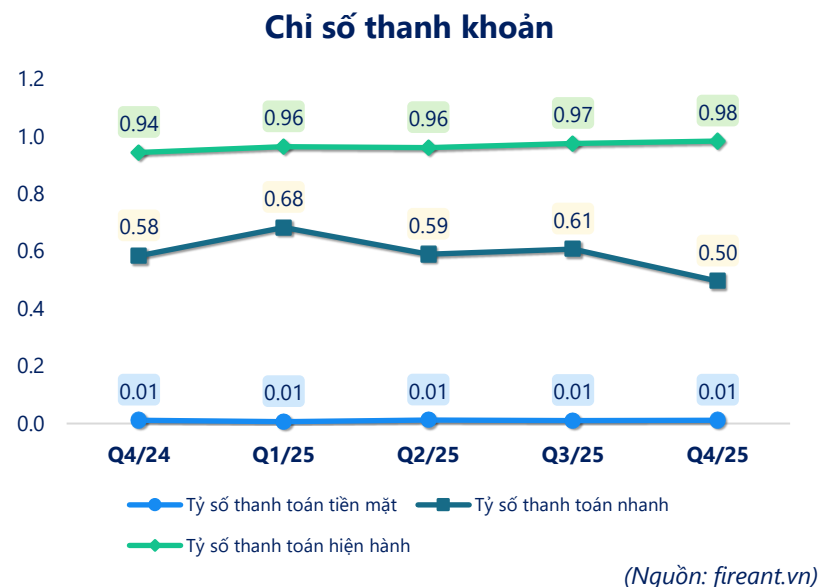
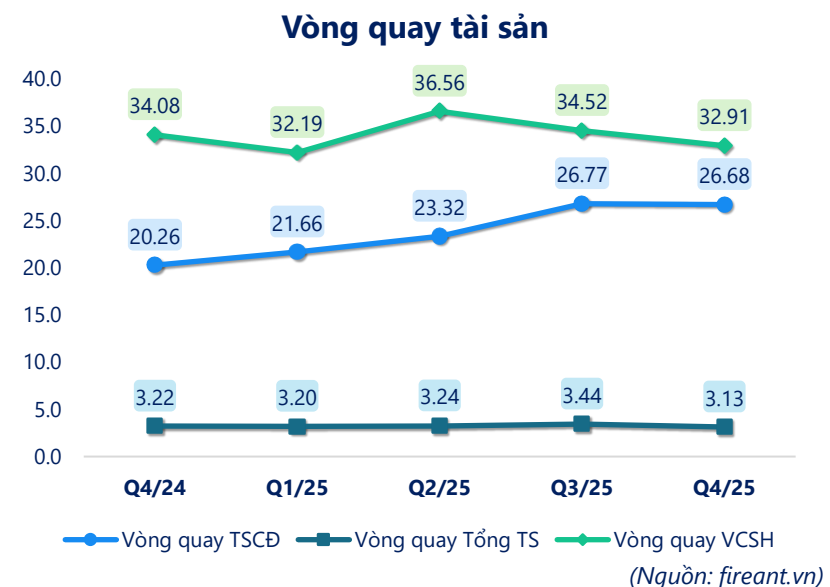
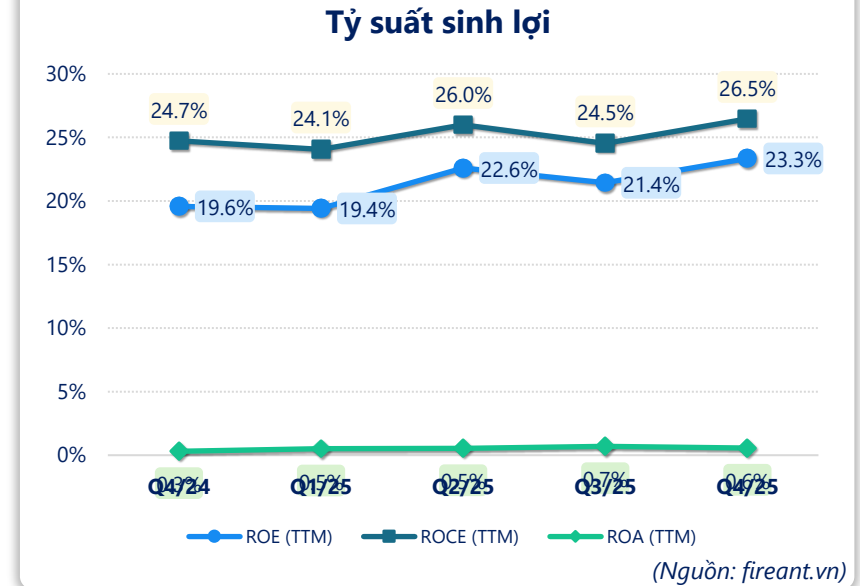
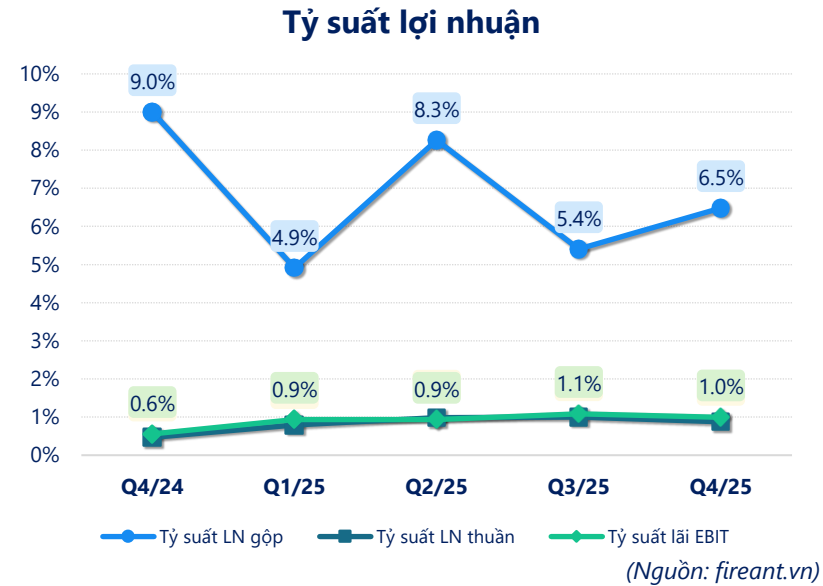
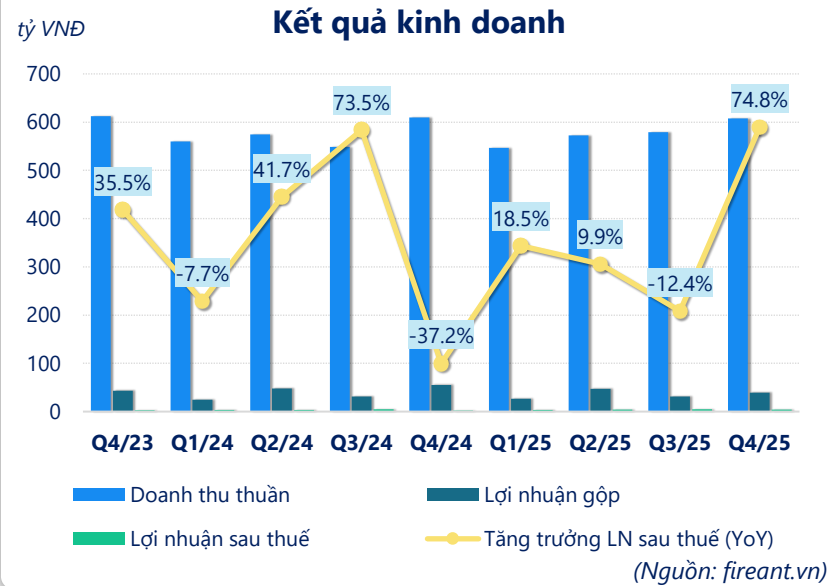


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,198
SL cổ phiếu LH		4,697,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		140
P/E		8.6
EPS		3,482

	YTD	1T	3T	6T
CTT	109.9%	20.2%	24.2%	68.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	734	737	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	637	614	3.7%
Tiền và tương đương tiền	7.50	7.62	-1.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	305	364	-16.2%
Hàng tồn kho	316	234	34.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.98	8.88	1.1%
Tài sản dài hạn	97.2	123	-20.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	74.8	98.0	-23.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	22.4	25.0	-10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	663	669	-0.9%
Nợ ngắn hạn	648	652	-0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.5	8.85	289%
Phải trả người bán ngắn hạn	445	562	-20.8%
Nợ dài hạn	14.5	17.2	-15.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.5	17.2	-15.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.7	68.6	4.6%
Vốn chủ sở hữu	71.6	68.6	4.4%
Vốn điều lệ	47.0	47.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.09	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	609	547	572	579	608
Giá vốn hàng bán	555	520	525	548	568
Lợi nhuận gộp	54.8	26.8	47.3	31.3	39.4
Doanh thu HĐTC	0.17	0.02	0.10	0.08	-0.02
Chi phí TC	0.57	0.50	0.62	0.41	0.71
Chi phí lãi vay	0.57	0.50	0.62	0.41	0.71
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.5	3.32	7.29	1.34	2.56
Chi phí QLDN	36.1	18.7	33.8	23.8	30.8
LN thuần từ HĐKD	2.84	4.33	5.65	5.79	5.34
Lợi nhuận khác	-0.01	0.26	-0.94	0.08	-0.01
LN trước thuế	2.83	4.59	4.71	5.87	5.34
Lợi nhuận sau thuế	2.20	3.67	3.77	4.68	4.23
LNST của CĐ cty mẹ	2.20	3.67	3.77	4.68	4.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.6	-26.7	36.3	-5.25	-11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.43	-0.04	-1.40	-1.20	-8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.8	23.0	-31.8	5.54	21.6
Tiền đầu kỳ	10.2	7.62	3.90	6.95	6.04
Lưu chuyển tiền thuần	-2.62	-3.72	3.06	-0.92	1.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.62	3.90	6.95	6.04	7.50

(Nguồn: fireant.vn)